

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Nơi sinh	Phái	Ưu tiên	Chuyên ngành	Ngoại ngữ
1	CH0001	CÙ THẾ ANH	20.10.1992	Lào Cai	Nam		Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
2	CH0002	ĐẶNG TUẤN ANH	17.05.1986	Lào Cai	Nam	KVI	Quản trị kinh doanh	Tiếng Anh
3	CH0003	ĐỖ TUẤN ANH	08.10.1993	Lào Cai	Nam		Quản lý đất đai	Tiếng Anh
4	CH0004	HOÀNG ANH	17.07.1977	Lào Cai	Nam	KV1	Quản lý đất đai	Tiếng Anh
5	CH0005	NGUYỄN TUẤN ANH	04.06.1977	Yên Bái	Nam	KVI	Quản trị kinh doanh	Tiếng Anh
6	CH0006	PHẠM VIỆT ANH	21.07.1978	Yên Bái	Nam	KV1	Quản lý đất đai	Tiếng Anh
7	CH0007	VŨ KIM ANH	27.04.1983	Lào Cai	Nữ	KVI	Quản trị kinh doanh	Tiếng Anh
8	CH0008	BÙI VĂN ẮN	12.05.1986	Hòa Bình	Nam	DTKV1	Quản lý giáo dục	Tiếng Anh
9	CH0009	NGUYỄN QUANG BÌNH	07.10.1979	Lai Châu	Nam	KV1	Quản lý giáo dục	Tiếng Anh
10	CH0010	LÒ VĂN BỐN	27.08.1985	Điện Biên	Nam	DTKV1	Quản lý giáo dục	Tiếng Anh
11	CH0011	NGÔ XUÂN CHIẾN	01.01.1978	Tuyên Quang	Nam	KV1	Quản lý giáo dục	Tiếng Anh
12	CH0012	NGUYỄN KHẮC CHIẾN	02.08.1983	Phú Thọ	Nam	KVI	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
13	CH0013	NGUYỄN XUÂN CHIẾN	08.11.1988	Lào Cai	Nam	KVI	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
14	CH0014	NGUYỄN VĂN CHUNG	18.09.1984	Hưng Yên	Nam	KV1	Quản lý đất đai	Tiếng Anh
15	CH0015	VŨ HỒNG CHUYÊN	08.09.1970	Thái Bình	Nam	KV1	Quản lý đất đai	Tiếng Anh
16	CH0016	PHẠM THIẾT CHÙY	10.10.1976	Nam Định	Nam	KV1	Quản lý giáo dục	Tiếng Anh
17	CH0017	NGÔ HIẾN CHƯƠNG	20.11.1975	Lào Cai	Nam	KV1	Quản lý đất đai	Tiếng Anh
18	CH0018	PHẠM VĂN CHƯƠNG	12.09.1985	Thanh Hóa	Nam	KV1	Quản lý giáo dục	Tiếng Anh
19	CH0019	NGUYỄN VĂN CÔNG	02.07.1980	Lai Châu	Nam	KV1	Quản lý giáo dục	Tiếng Anh
20	CH0020	VƯƠNG VĂN CƯƠNG	22.11.1984	Lai Châu	Nam	KV1	Quản lý giáo dục	Tiếng Anh
21	CH0021	TRẦN CAO CƯỜNG	25.09.1986	Yên Bái	Nam	KV1	Quản lý đất đai	Tiếng Anh
22	CH0022	ĐƯƠNG DUY DẪN	18.02.1980	Thái Bình	Nam	KV1	Quản lý giáo dục	Tiếng Anh
23	CH0023	TRẦN PHƯƠNG DUNG	27.05.1981	Yên Bái	Nữ	KV1	Quản lý đất đai	Tiếng Anh
24	CH0024	NGUYỄN VĂN DÚP	07.06.1979	Thái Bình	Nam	KV1	Quản lý giáo dục	Tiếng Anh
25	CH0025	NGUYỄN QUANG DŨNG	26.03.1978	Lào Cai	Nam	KVI	Quản lý kinh tế	Miễn thi
26	CH0026	PHẠM ĐỨC DŨNG	30.10.1979	Quảng Ninh	Nam	KVI	Quản trị kinh doanh	Tiếng Anh
27	CH0027	BÙI QUANG ĐỊNH	12.05.1987	Điện Biên	Nam	KV1	Quản lý giáo dục	Tiếng Anh
28	CH0028	TRẦN DUY ĐÔNG	24.12.1973	Lào Cai	Nam	KVI	Quản lý kinh tế	Miễn thi
29	CH0029	LÊ THÀNH ĐỨC	07.05.1991	Lào Cai	Nam	KVI	Quản trị kinh doanh	Tiếng Anh

ấn định danh sách có: 29 thí sinh.

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Nơi sinh	Phái	Ưu tiên	Chuyên ngành	Ngoại ngữ
1	CH0030	MẠC TRUNG ĐỨC	15.06.1993	Yên Bái	Nam		Quản lý đất đai	Tiếng Anh
2	CH0031	NGÔ MINH ĐỨC	17.06.1983	Lào Cai	Nam	KVI	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
3	CH0032	LƯU DUY HÀ	30.11.1983	Thanh Hóa	Nam	KV1	Quản lý giáo dục	Tiếng Anh
4	CH0033	NGUYỄN NGỌC HÀ	23.04.1991	Lào Cai	Nam		Quản trị kinh doanh	Tiếng Anh
5	CH0034	HOÀNG TUẤN HẢI	10.08.1978	Thái Bình	Nam	KVI	Quản trị kinh doanh	Tiếng Anh
6	CH0035	PHẠM NHƯ HẢO	24.06.1991	Lào Cai	Nam		Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
7	CH0036	ĐINH THỊ HỒNG HẠNH	19.02.1977	Phú Thọ	Nữ	KVI	Quản trị kinh doanh	Tiếng Anh
8	CH0037	LÒ MAI HẠNH	09.12.1987	Lai Châu	Nữ	DTKV1	Quản lý giáo dục	Tiếng Anh
9	CH0038	VŨ XUÂN HẬU	09.10.1984	Điện Biên	Nam	KV1	Quản lý giáo dục	Tiếng Anh
10	CH0039	LÒ VĂN HIỀN	02.08.1981	Điện Biên	Nam	DTKV1	Quản lý giáo dục	Tiếng Anh
11	CH0040	NGUYỄN THỊ HIỀN	24.04.1976	Yên Bái	Nữ	KVI	Quản lý kinh tế	Miễn thi
12	CH0041	LÊ TRUNG HIẾN	20.11.1985	Điện Biên	Nam	KV1	Quản lý giáo dục	Tiếng Anh
13	CH0042	TRẦN MẠNH HIẾN	16.10.1978	Lào Cai	Nam	KV1	Quản lý đất đai	Tiếng Anh
14	CH0043	NGUYỄN VĂN HIỆP	21.09.1980	Phú Thọ	Nam	KVI	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
15	CH0044	PHẠM THANH HOÀN	12.10.1982	Điện Biên	Nam	KV1	Quản lý giáo dục	Tiếng Anh
16	CH0045	HÀ NGỌC HOÀNG	10.01.1987	Lào Cai	Nam	KV1	Quản lý đất đai	Tiếng Anh
17	CH0046	TRINH THỊ HÒA	25.05.1987	Lào Cai	Nữ	KVI	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
18	CH0047	ĐẶNG ĐÌNH HUẤN	28.11.1978	Yên Bái	Nam	KVI	Quản trị kinh doanh	Tiếng Anh
19	CH0048	NGUYỄN VĂN HUẤN	30.12.1985	Hà Nội	Nam	KV1	Quản lý đất đai	Tiếng Anh
20	CH0049	BÙI BÍCH HUỆ	23.12.1990	Lào Cai	Nữ		Quản lý đất đai	Tiếng Anh
21	CH0050	NGUYỄN THỊ KIM HUỆ	10.12.1991	Lào Cai	Nữ		Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
22	CH0051	ĐỖ THANH HUYỀN	02.07.1988	Lào Cai	Nữ	KVI	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
23	CH0052	PHẠM THỊ THANH HUYỀN	17.03.1987	Điện Biên	Nữ	KVI	Quản trị kinh doanh	Tiếng Anh
24	CH0053	TRINH THU HUYỀN	06.12.1983	Yên Bái	Nữ	KVI	Quản trị kinh doanh	Miễn thi
25	CH0054	ĐINH VIỆT HÙNG	14.08.1986	Lào Cai	Nam	KVI	Quản trị kinh doanh	Tiếng Anh
26	CH0055	NGUYỄN THẾ HÙNG	08.02.1970	Nghệ An	Nam	KVI	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
27	CH0056	PHẠM THANH HÙNG	05.05.1984	Thái Nguyên	Nam	KVI	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
28	CH0057	BÙI XUÂN HÙNG	22.07.1980	Lai Châu	Nam	KV1	Quản lý giáo dục	Tiếng Anh
29	CH0058	NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG	20.02.1988	Hà Nam	Nữ	KVI	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh

ấn định danh sách có: 29 thí sinh.

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Nơi sinh	Phái	Ưu tiên	Chuyên ngành	Ngoại ngữ
1	CH0059	TRINH THANH HƯƠNG	16.03.1981	Lào Cai	Nữ	KVI	Quản trị kinh doanh	Tiếng Anh
2	CH0060	TRẦN CÔNG HƯỜNG	06.12.1983	Thái Bình	Nam	KV1	Quản lý giáo dục	Tiếng Anh
3	CH0061	NGUYỄN THẾ HỮU	18.02.1992	Lào Cai	Nam	KVI	Quản trị kinh doanh	Tiếng Anh
4	CH0062	ĐỖ QUỐC KHÁNH	03.08.1989	Lào Cai	Nam	KV1	Quản lý đất đai	Tiếng Anh
5	CH0063	TRẦN ĐĂNG KHOA	31.07.1975	Thái Bình	Nam	KV1	Quản lý giáo dục	Tiếng Anh
6	CH0064	PHẠM TRUNG KIÊN	23.07.1976	Lào Cai	Nam	KV1	Quản lý đất đai	Tiếng Anh
7	CH0065	PHẠM TRUNG KIÊN	17.03.1980	Lào Cai	Nam	KV1	Quản lý đất đai	Tiếng Anh
8	CH0066	PHẠM VIỆT KIÊN	10.05.1991	Lào Cai	Nam	KV1	Quản lý đất đai	Tiếng Anh
9	CH0067	ĐÀO THỊ THU LÂM	25.08.1979	Thái Nguyên	Nữ	KVI	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
10	CH0068	PHAN THỊ LOAN	07.07.1987	Lào Cai	Nữ	KVI	Quản trị kinh doanh	Tiếng Anh
11	CH0069	CAO VĂN LONG	17.06.1974	Hà Nội	Nam	KV1	Quản lý đất đai	Tiếng Anh
12	CH0070	ĐỖ NGỌC LONG	22.02.1979	Lào Cai	Nam	KVI	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
13	CH0071	HOÀNG ĐỨC LONG	16.06.1979	Phú Thọ	Nam	DTKV1	Quản lý đất đai	Tiếng Anh
14	CH0072	NGUYỄN HOÀNG LONG	11.01.1982	Hà Nội	Nam	KVI	Quản trị kinh doanh	Tiếng Anh
15	CH0073	NGUYỄN SINH LONG	01.11.1971	Thái Bình	Nam	KV1	Quản lý đất đai	Tiếng Anh
16	CH0074	NGUYỄN VĂN LONG	25.07.1972	Thái Bình	Nam	KV1	Quản lý giáo dục	Tiếng Anh
17	CH0075	NGUYỄN NGỌC LỢI	04.03.1987	Lào Cai	Nam	KVI	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
18	CH0076	VI THỊ LUÂN	02.10.1980	Nghệ An	Nữ	DTKV1	Quản lý giáo dục	Tiếng Anh
19	CH0077	TRẦN THỊ LÝ	26.05.1982	Yên Bái	Nữ	KVI	Quản trị kinh doanh	Tiếng Anh
20	CH0078	LƯƠNG THỊ MAI	23.09.1991	Điện Biên	Nữ	DTKV1	Quản lý giáo dục	Tiếng Anh
21	CH0079	TRẦN THỊ MẾN	25.02.1987	Lào Cai	Nữ	DTKV1	Quản lý đất đai	Tiếng Anh
22	CH0080	PHẠM BÌNH MINH	01.09.1977	Lào Cai	Nam	KV1	Quản lý đất đai	Tiếng Anh
23	CH0081	PHẠM TẮT MINH	05.04.1985	Nam Định	Nam	KVI	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
24	CH0082	HOÀNG THANH NGA	20.10.1989	Lào Cai	Nữ	KVI	Quản trị kinh doanh	Tiếng Anh
25	CH0083	TRẦN THỊ PHƯƠNG NGA	14.12.1990	Lào Cai	Nữ	KVI	Quản trị kinh doanh	Tiếng Anh
26	CH0084	VŨ XUÂN NGHIỆM	26.05.1981	Ninh Bình	Nam	KV1	Quản lý đất đai	Tiếng Anh
27	CH0085	NGUYỄN HỮU NHẬT	15.06.1984	Thái Bình	Nam	KVI	Quản trị kinh doanh	Tiếng Anh
28	CH0086	BÙI THỊ NHUNG	18.08.1982	Hà Nội	Nữ	KVI	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
29	CH0087	ĐÀO THỊ HỒNG NHUNG	27.10.1991	Lào Cai	Nữ		Quản trị kinh doanh	Tiếng Anh

ấn định danh sách có: 29 thí sinh.

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Nơi sinh	Phái	Ưu tiên	Chuyên ngành	Ngoại ngữ
1	CH0088	LÒ VĂN NỘI	20.07.1984	Điện Biên	Nam	DTKV1	Quản lý giáo dục	Tiếng Anh
2	CH0089	MAI THỊ KIM OANH	30.09.1984	Nam Định	Nữ	KV1	Quản lý đất đai	Tiếng Anh
3	CH0090	NGUYỄN ĐÌNH PHONG	25.05.1983	Thái Bình	Nam	DTKV1	Quản lý giáo dục	Tiếng Anh
4	CH0091	BÙI NGỌC QUANG	04.12.1980	Yên Bái	Nam	KVI	Quản lý kinh tế	Miễn thi
5	CH0092	HOÀNG VĂN QUANG	20.03.1976	Phú Thọ	Nam	KVI	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
6	CH0093	CHU VĂN QUẢNG	10.02.1982	Lai Châu	Nam	KV1	Quản lý giáo dục	Tiếng Anh
7	CH0094	NGUYỄN VĂN QUÂN	14.08.1979	Lai Châu	Nam	KV1	Quản lý giáo dục	Tiếng Anh
8	CH0095	ĐẶNG NGỌC QUỲNH	04.06.1983	Lào Cai	Nam	KVI	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
9	CH0096	TRẦN NHƯ QUỲNH	06.05.1976	Lào Cai	Nữ	KVI	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
10	CH0097	BÙI XUÂN QUÝ	18.04.1982	Điện Biên	Nam	KV1	Quản lý giáo dục	Tiếng Anh
11	CH0098	ĐỖ CÔNG QUÝ	16.02.1983	Yên Bái	Nam	KVI	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
12	CH0099	VŨ VIỆT QUÝ	23.04.1991	Lào Cai	Nam	KVI	Quản trị kinh doanh	Tiếng Anh
13	CH0100	CAO NGỌC SƠN	19.07.1981	Nam Định	Nam	KVI	Quản trị kinh doanh	Tiếng Anh
14	CH0101	LƯƠNG NGỌC SƠN	18.09.1982	Lào Cai	Nam	KVI	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
15	CH0102	PHÙNG CHÍ SƠN	14.06.1985	Lào Cai	Nam	KVI	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
16	CH0103	VŨ VĂN SƠN	22.12.1975	Hòa Bình	Nam	DTKV1	Quản lý giáo dục	Tiếng Anh
17	CH0104	HỒ THỊ MINH TÂM	20.07.1984	Phú Thọ	Nữ	KVI	Quản trị kinh doanh	Tiếng Anh
18	CH0105	TRẦN THỊ TÂM	29.01.1985	Lai Châu	Nữ	KV1	Quản lý giáo dục	Tiếng Anh
19	CH0106	ĐƯỜNG MINH TẤN	10.12.1966	Lai Châu	Nam	KVI	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
20	CH0107	LÊ TRỌNG TẤN	24.02.1983	Lào Cai	Nam	KVI	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
21	CH0108	PHAN KHẮC TẬP	10.10.1978	Hải Dương	Nam	KV1	Quản lý giáo dục	Tiếng Anh
22	CH0109	THẦN MINH THÁI	19.08.1988	Lào Cai	Nam	KV1	Quản lý đất đai	Tiếng Anh
23	CH0110	NGUYỄN VĂN THẮNG	14.08.1986	Ninh Bình	Nam	KVI	Quản trị kinh doanh	Tiếng Anh
24	CH0111	LÒ THỊ THIÊN	27.06.1990	Điện Biên	Nữ	DTKV1	Quản lý giáo dục	Tiếng Anh
25	CH0112	TRẦN VĂN THIÊN	01.02.1968	Yên Bái	Nam	KVI	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
26	CH0113	ĐẶNG THỊ THU THỊNH	07.04.1993	Lào Cai	Nữ	DT KVI	Quản lý kinh tế	Miễn thi
27	CH0114	ĐOÀN TRỌNG THỌ	15.06.1987	Điện Biên	Nam	KV1	Quản lý giáo dục	Tiếng Anh
28	CH0115	ĐỖ CAO THỌ	10.10.1973	Lào Cai	Nam	KV1	Quản lý đất đai	Tiếng Anh

ấn định danh sách có: 28 thí sinh.

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Nơi sinh	Phái	Ưu tiên	Chuyên ngành	Ngoại ngữ
1	CH0116	TRINH THỊ THOM	24.06.1980	Hòa Bình	Nữ	KV1	Quản lý giáo dục	Tiếng Anh
2	CH0117	ĐÀO XUÂN THU	21.10.1978	Lào Cai	Nam	KV1	Quản lý đất đai	Tiếng Anh
3	CH0118	LƯƠNG THỊ THU	01.09.1986	Điện Biên	Nữ	DTKV1	Quản lý giáo dục	Tiếng Anh
4	CH0119	NGUYỄN THỊ MAI THU	27.10.1979	Lai Châu	Nữ	KV1	Quản lý giáo dục	Tiếng Anh
5	CH0120	TRẦN BÍCH THU	21.08.1978	Lào Cai	Nữ	KVI	Quản trị kinh doanh	Tiếng Anh
6	CH0121	NGUYỄN XUÂN THUẬN	24.04.1981	Điện Biên	Nam	KV1	Quản lý giáo dục	Tiếng Anh
7	CH0122	NGUYỄN THỊ THÚY	16.08.1979	Hòa Bình	Nữ	KV1	Quản lý giáo dục	Tiếng Anh
8	CH0123	ĐỖ XUÂN THỦY	15.02.1979	Hà Tây	Nam	KV1	Quản lý giáo dục	Miễn thi
9	CH0124	NGÔ THỊ THANH THỦY	07.07.1980	Hà Nam	Nữ	KVI	Quản trị kinh doanh	Tiếng Anh
10	CH0125	HOÀNG THỊ HỒNG THƯƠNG	19.09.1986	Nam Định	Nữ	KV1	Quản lý giáo dục	Tiếng Anh
11	CH0126	VĂN CÔNG THỨC	01.08.1983	Vĩnh Phúc	Nam	KVI	Quản trị kinh doanh	Tiếng Anh
12	CH0127	GIANG PHI TIẾN	15.08.1979	Lào Cai	Nam	KVI	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
13	CH0128	NGUYỄN VĂN TIẾP	14.03.1982	Lai Châu	Nam	KV1	Quản lý giáo dục	Tiếng Anh
14	CH0129	PHÙNG VĂN TÌNH	08.04.1974	Lào Cai	Nam	KVI	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
15	CH0130	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	21.05.1984	Yên Bái	Nữ	KVI	Quản lý kinh tế	Miễn thi
16	CH0131	QUẢNG VĂN TRUNG	23.01.1981	Điện Biên	Nam	DTKV1	Quản lý giáo dục	Tiếng Anh
17	CH0132	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	24.07.1979	Hung Yên	Nam	KV1	Quản lý giáo dục	Tiếng Anh
18	CH0133	NGUYỄN HỮU TUÂN	09.05.1982	Thái Bình	Nam	KV1	Quản lý giáo dục	Tiếng Anh
19	CH0134	BÙI ANH TUẤN	18.10.1984	Lào Cai	Nam	KV1	Quản lý đất đai	Tiếng Anh
20	CH0135	BÙI VĂN TUẤN	09.05.1981	Thanh Hóa	Nam	DTKV1	Quản lý giáo dục	Tiếng Anh
21	CH0136	ĐỖ VĂN TUẤN	28.10.1978	Lào Cai	Nam	KVI	Quản trị kinh doanh	Tiếng Anh
22	CH0137	NGUYỄN CÔNG TUẤN	26.09.1977	Thái Bình	Nam	KV1	Quản lý đất đai	Tiếng Anh
23	CH0138	TRẦN QUANG TUẤN	18.10.1989	Lào Cai	Nam	KVI	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh
24	CH0139	NGUYỄN ANH TÚ	27.08.1984	Lào Cai	Nam	KV1	Quản lý đất đai	Tiếng Anh
25	CH0140	LÒ ANH VĂN	05.11.1979	Lai Châu	Nam	DTKV1	Quản lý giáo dục	Tiếng Anh
26	CH0141	LÊ THÚY VÂN	02.09.1983	Thanh Hóa	Nữ	KVI	Quản trị kinh doanh	Tiếng Anh
27	CH0142	LÒ THỊ XON	19.11.1982	Sơn La	Nữ	DTKV1	Quản lý giáo dục	Tiếng Anh
28	CH0143	TRẦN HẢI YẾN	03.10.1989	Lai Châu	Nữ	KVI	Quản lý kinh tế	Tiếng Anh

ấn định danh sách có: 28 thí sinh.